

KHÓ KHĂN VỀ TỪ VỰNG TRONG BIÊN DỊCH PHÁP LÝ ANH - VIỆT: TRƯỜNG HỢP CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

NGUYỄN NHÂN ÁI*

Abstract: The present article undertakes a thorough inquiry into the lexical challenges that English - majored students commonly face in when translating legal texts from English into Vietnamese, with a focus on elucidating the underlying causes thereof and proposing meaningful, comprehensive measures. Based on a mixed-method study involving 60 students and two experienced lecturers, the findings reveal that specialized and semi-specialized terminology, loanwords, synonymous expressions, doublets and triplets, and archaic words frequently hinder translation. Notable objective elements, including divergent legal systems and inadequate reference materials, in conjunction with subjective factors, namely limited skill sets and fear of errors, further complicate the translation process. In response, the research hereby recommends rigorous cultivation of specialized knowledge, thorough consultation of available resources, flexible adoption of translation strategies, and holistic cultural - legal inquiries, all of which collectively aim to bolster students' translation capabilities.

Keywords: *legal translation, lexical challenges, terminology, English - majored students.*

1. Mở đầu

Ngôn ngữ pháp luật ra đời vào đầu những năm 1970 và ngày càng khẳng định vị trí cũng như những đóng góp đích thực của nó trong lĩnh vực ứng dụng ngôn ngữ. Trước thời điểm này, các nghiên cứu về ngôn ngữ pháp luật chủ yếu tập trung vào ngôn ngữ lập pháp, với trọng tâm là tìm hiểu đặc điểm từ vựng, kết cấu cú pháp, và các yếu tố cấu thành văn bản pháp lí. Liên quan đến vấn đề này, Heikki đã nghiên cứu chức năng và đặc điểm của ngôn ngữ pháp luật, đặc biệt là khái niệm và thuật ngữ và những vấn đề đặt ra trong biên dịch pháp lí [14]. Từ năm 1970 trở đi, nhiều học giả bắt đầu chuyển hướng sang nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, trong đó quan tâm đến những khoảng trống trong dịch thuật và các vấn đề gây tranh cãi khi chuyển ngữ giữa hai hệ thống pháp luật khác nhau. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhận định của D. Cao khi ông cho rằng biên dịch pháp lí không phải là một công việc đơn giản mà đòi hỏi dịch giả phải có những kĩ năng đặc biệt, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn để đảm bảo tính chính xác và nhất quán trong quá trình chuyển ngữ [3]. Hơn nữa, cùng với sự phát triển về nghiên cứu biên dịch pháp lí, thuật ngữ pháp lí được xem là một lĩnh vực thu hút sự quan tâm của nhiều nhà ngôn ngữ học bởi những khó khăn trong quá trình này đều bắt nguồn từ sự khác biệt về văn hoá và hệ thống pháp lí [12], [21]. Mỗi quốc gia đều xây dựng hệ thống thuật ngữ pháp lí dựa trên truyền thống pháp lí và bối cảnh chính trị - xã hội riêng, khiến cho những thuật ngữ này mang tính đặc thù cao và khó tìm thấy sự tương đương trực tiếp trong các hệ thống pháp lí khác. Khác với thuật ngữ trong lĩnh vực khoa học hay kĩ thuật vốn có xu hướng phổ quát và dễ quy chuẩn thì thuật ngữ pháp lí gắn chặt với cấu trúc nội tại của từng hệ thống pháp luật quốc gia [2]. Từ những khó khăn đã nêu, bài viết này tập trung nghiên cứu các trở ngại về từ vựng mà sinh viên chuyên ngữ gặp phải khi tiếp cận và thực hành biên dịch pháp lí. Việc tìm ra giải pháp hỗ trợ sinh viên nắm vững hệ thống thuật ngữ pháp lí, vượt qua rào cản văn hoá và sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn đáp ứng hiệu quả nhu cầu biên dịch pháp lí ngày càng đa dạng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cùng lúc đó, để làm sáng tỏ quan điểm của sinh viên, bài viết này giải quyết các câu hỏi nghiên cứu sau: (1) Những khó khăn về từ vựng mà sinh viên chuyên ngữ gặp phải khi dịch các thuật ngữ pháp lí từ tiếng Anh sang tiếng Việt là gì? (2) Những nguyên nhân nào khiến sinh viên chuyên ngữ gặp những khó khăn nêu trên? (3) Những phương pháp nào có thể được áp dụng để giúp sinh viên chuyên ngữ vượt qua khó khăn về từ vựng khi dịch các thuật ngữ pháp lí từ tiếng Anh sang tiếng Việt?

* Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

2. Tổng quan khó khăn về từ vựng trong biên dịch pháp lí Anh - Việt

Về cơ bản, biên dịch pháp lí là một lĩnh vực chuyên môn mang tính chuyên ngành, tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu giao tiếp, đồng thời, áp dụng và truyền bá pháp luật bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, dù là giữa các hệ thống pháp luật quốc gia khác nhau. Quá trình biên dịch pháp lí yêu cầu sự chính xác và rõ ràng tuyệt đối khi truyền đạt thông tin và tránh gây hiểu lầm giữa các nền văn hoá với nhau bởi vì các văn bản pháp lí mang theo giá trị về quyền lợi, nghĩa vụ và thủ tục tố tụng [20]. Theo đó, biên dịch pháp lí còn bao gồm nhiều loại hình văn bản khác nhau, từ văn bản pháp luật, hợp đồng đến lời khai tại toà án, mỗi loại hình đều đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc về cả hình thức ngôn ngữ và nội dung pháp lí. Chính vì thế, điểm đặc biệt của biên dịch pháp lí là nó nằm ở giao điểm giữa lí thuyết về pháp luật và lí thuyết về ngôn ngữ, đòi hỏi người dịch phải vừa hiểu rõ các khái niệm pháp lí vừa có khả năng diễn đạt chính xác bằng ngôn ngữ đích.

Mặc dù biên dịch pháp lí đòi hỏi kiến thức sâu rộng về cả ngôn ngữ lẫn pháp luật nhưng không thể phủ nhận một trong những thách thức lớn nhất nằm ở khía cạnh từ vựng [1]. Bởi ngôn ngữ pháp luật mang tính đặc thù, gắn liền với hệ thống khái niệm và quy phạm pháp luật cụ thể cũng như sự khác biệt về văn hoá nên dịch thuật ngữ pháp lí thường gặp nhiều khó khăn do không phải lúc nào cũng tìm được cặp từ tương đương hoàn toàn giữa hai ngôn ngữ [18]. Thêm vào đó, ngay trong cùng một ngôn ngữ, cách sử dụng và diễn giải thuật ngữ pháp lí cũng có thể khác nhau theo từng trường phái luật học hoặc theo từng bối cảnh cụ thể. Vậy nên, việc dịch thuật ngữ tương xứng hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa giữa hai ngôn ngữ gần như không thể đạt được [23]. Xuất phát từ những trở ngại trên, một số đặc điểm của từ vựng cần xem xét là:

Đầu tiên, *thuật ngữ chuyên ngành và thuật ngữ bán chuyên ngành*: Theo Mellinkoff, thuật ngữ chuyên ngành là những từ có ý nghĩa cụ thể trong một ngữ cảnh nhất định [15]. Trong ngữ cảnh này, tiếng Anh pháp lí sử dụng rất nhiều thuật ngữ mang ý nghĩa chuyên ngành mà người bình thường không quen thuộc, chẳng hạn như *waiver* (từ bỏ quyền lợi), *restraint of trade* (hạn chế mậu dịch), *restrictive covenant* (điều khoản hạn chế), *promissory estoppel* (lời hứa không thể huỷ bỏ), v.v. Bên cạnh đó, nhiều từ ngữ thông dụng nhưng mang nghĩa khác biệt (còn được gọi là thuật ngữ bán chuyên ngành) tồn tại trong các ngữ cảnh pháp lí cụ thể, chẳng hạn như: *attachment* (lệnh kê biên tài sản), *action* (vụ kiện), *consideration* (lợi ích đối ứng), *execute* (thực hiện hợp đồng), *party* (bên tham gia hợp đồng).

Thứ hai, *từ mượn*: Weisflog cho rằng hầu hết các ngôn ngữ đều từng có sự giao thoa với một hoặc nhiều ngôn ngữ khác trong suốt tiến trình lịch sử của mình [25]. Khi hai ngôn ngữ cùng tồn tại do lí do về xã hội, chính trị hoặc địa lí thì chúng sẽ không tránh khỏi việc ảnh hưởng lẫn nhau. Sự giao thoa này có thể dẫn đến hiện tượng vay mượn từ vựng, thậm chí hình thành một ngôn ngữ mới hoàn toàn. Trong tiếng Anh pháp lí, nhiều từ và cụm từ nước ngoài được sử dụng có nguồn gốc chủ yếu từ tiếng Latin và tiếng Pháp. Những từ này có thể đã trải qua quá trình phiên âm hoặc được vay mượn trực tiếp. Cụ thể, một số từ có nguồn gốc từ tiếng Latin bao gồm: *bona fide* (thiện chí), *negligence* (sơ suất), *adjacent* (liền kề), *legal* (pháp lí),... Hay các từ có nguồn gốc từ tiếng Pháp như: *defendant* (bị đơn), *demurrer* (lời biện bác), *evidence* (bằng chứng), *plaintiff* (nguyên đơn), *sentence* (bản án), ... [25].

Thứ ba, *từ cổ*: So với ngôn ngữ đời sống, từ cổ được xem là lỗi thời và mang tính cổ điển. Ngày nay, các từ này vẫn được sử dụng nhiều trong các văn bản và thư tín pháp lí nhưng tựu chung việc sử dụng nó ngày nay vẫn còn khá mơ hồ và khó hiểu cho người học [22]. Có thể kể đến các dạng từ cổ phổ biến nhất trong Tiếng Anh pháp lí gồm: *hereby* (bằng văn bản này), *thereby* (bằng cách đó), *aforesaid* (đã nói ở trên), *whereby* (theo đó), *without prejudice to* (không ảnh hưởng đến), ... [26].

Thứ tư, *từ đồng nghĩa*: Trong tiếng Anh, từ *law* có thể được dùng thay thế bởi các từ như *statute* (đạo luật), *legislation* (văn bản pháp luật), *code* (bộ luật), *regulation* (quy định), *ordinance* (sắc lệnh)... Dù mang nghĩa gần giống, các thuật ngữ này không hoàn toàn đồng nhất về mặt pháp lí. Tương tự, trong Luật Gia đình Úc năm 1975, hai thuật ngữ *custodian* và *guardian* cũng có sự khác biệt rõ rệt [3]. Từ *custodian* là người có quyền hợp pháp chăm sóc và kiểm soát con cái hằng ngày sau khi li hôn hoặc li thân, trong khi từ *guardian* là người có quyền quyết định các vấn đề về giáo dục, y tế và phúc lợi cho trẻ trong thời gian dài. Trong tiếng Việt, cả hai thuật ngữ này thường được dịch thành “người giám hộ”. Điều

này dẫn đến nguy cơ người đọc gặp khó khăn khi phân biệt khái niệm pháp lí giữa hai từ này. Về vấn đề này, Cao. D đã nhấn mạnh rằng: “Từ đồng nghĩa không hoàn toàn giống nhau, mỗi từ mang sắc thái riêng. Khi được dịch sang ngôn ngữ khác, sự khác biệt này có thể bị mất đi” [3].

Thứ năm, “*cụm từ lặp*” - *doublets and triplets*: Cụm từ lặp là hiện tượng sử dụng hai hoặc ba từ có nghĩa tương tự hoặc giống nhau, thường được nối với nhau bằng từ *and* hoặc từ *or*, trong đó một số từ trong cụm này thường được xem là dư thừa [9], [17], [20]. Không những thế, Houbert phân loại các cụm từ lặp này thành *doublets* (cụm hai từ) và *triplets* (cụm ba từ) theo đặc điểm ngữ pháp và cú pháp, bao gồm: danh từ, động từ, tính từ và giới từ ở Bảng 1 dưới đây [9].

Bảng 1. *Cụm từ lặp* [9]

	Cụm hai từ	Cụm ba từ
Động từ	<i>Agree and covenant</i> (đồng ý)	<i>Cancel, annul and set aside</i> (hủy bỏ)
Danh từ	<i>Power and authority</i> (thẩm quyền)	<i>Right, title and interest</i> (quyền và lợi ích)
Tính từ	<i>Separate and distinct</i> (riêng)	<i>General, vague and indefinite</i> (không xác định)
Giới từ	<i>By and between</i> (bởi)	--

Do vậy, việc dịch các cụm từ lặp phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh cụ thể. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc lược bỏ hoàn toàn một trong các từ lặp là điều không nên vì có thể làm mất đi sắc thái hoặc hàm ý pháp lí ban đầu. Do đó, người dịch cần cố gắng tìm cách chuyển ngữ phù hợp, bảo đảm truyền tải đầy đủ ý nghĩa của từng thành tố trong cụm từ.

Thứ sáu, *thuật ngữ gắn liền với văn hoá - pháp luật*

Các thuật ngữ pháp lí gắn với văn hoá - pháp luật thường được chia thành ba nhóm [3]:

Một là, thuật ngữ liên quan đến chức danh. Ví dụ, từ *prosecutor* trong tiếng Anh có thể dịch là “công tố viên” hoặc “kiểm sát viên” trong tiếng Việt, tùy thuộc vào hệ thống pháp luật của từng quốc gia. Hoặc như cụm *chief of justice* trong tiếng Anh, hiện không có chức danh tương đương trong hệ thống pháp luật Việt Nam nên việc dịch thuật trở nên khó khăn và dễ gây nhầm lẫn.

Hai là, thuật ngữ liên quan đến hệ thống toà án. Mỗi quốc gia có hệ thống toà án riêng, dẫn đến sự khác biệt trong thuật ngữ. Chẳng hạn, trong hệ thống pháp luật Anh - Mỹ, có sự phân biệt giữa *court* (toà án chung) và *tribunal* (toà án chuyên biệt), trong khi tại Việt Nam, hệ thống toà án bao gồm toà án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, cấp cao, tối cao và các toà án quân sự và đương nhiên không có khái niệm tương đương với *tribunal*.

Ba là, thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực pháp luật cụ thể hoặc các thiết chế pháp luật. Ví dụ như: *anti-trust law* (luật chống độc quyền), *tort law* (luật bồi thường ngoài hợp đồng), *discrimination law* (luật chống phân biệt đối xử)... Ngoài các trường hợp trên, một ví dụ điển hình có thể xem xét là *miranda warning* - nghĩa là một khuyến cáo được đưa ra cho người bị tạm giữ trước khi thẩm vấn ở Mỹ. Khái niệm này không tồn tại trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nên việc dịch sát nghĩa là “khuyến cáo miranda” hoặc “cảnh báo miranda” có thể gây hiểu nhầm. Cách dịch phù hợp hơn, dựa trên ý nghĩa và bối cảnh lịch sử văn hoá của thuật ngữ thì cần nhắc dịch là “khuyến cáo về quyền im lặng”.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp kết hợp cả định lượng và định tính nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề nghiên cứu. Trước hết, việc thu thập dữ liệu định lượng thông qua bảng hỏi giúp nắm bắt xu hướng và mức độ đồng tình của số lượng lớn người tham gia. Phòng vấn bán cấu trúc nhằm đi sâu vào trải nghiệm và quan điểm cá nhân, cung cấp bối cảnh phân tích phong phú mà phương pháp khảo sát định lượng khó đạt được. Thông qua cách tiếp cận này, tác giả có thể so sánh, đối chiếu, và kiểm chứng các dữ liệu thu được, từ đó đảm bảo độ tin cậy và tính hiệu lực cao hơn cho kết quả nghiên cứu.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là 60 sinh viên chuyên ngữ năm ba, đã hoàn thành các học phần cơ bản và nâng cao về tiếng Anh pháp lí và biên - phiên dịch pháp lí, được chọn từ khoảng 100 sinh viên thuộc

Khoa Ngoại ngữ Pháp lí - Trường Đại học Luật Hà Nội. Mặt khác, để bổ sung góc nhìn chuyên môn, hai giảng viên (kí hiệu là GV1 và GV2) đang công tác tại Khoa Ngoại ngữ Pháp lí cũng được mời phỏng vấn bán cấu trúc.

2.3. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hai công cụ chính để thu thập dữ liệu: bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Trong đó, bảng hỏi gồm các câu hỏi theo dạng Likert 5 mức độ nhằm đo lường thái độ, nhận thức, cũng như kinh nghiệm của người học về các khó khăn từ vựng trong dịch thuật pháp lí. Đồng thời, công cụ phỏng vấn bán cấu trúc được xây dựng từ quá trình tham khảo ý kiến chuyên gia là các giảng viên trực tiếp giảng dạy lớp học.

2.4. Công cụ phân tích số liệu

Toàn bộ quy trình thu thập dữ liệu được diễn ra trong hai tuần. Trước tiên, nhóm nghiên cứu tiến hành thử nghiệm bảng hỏi với một nhóm nhỏ sinh viên, từ đó chỉnh sửa nội dung bảng hỏi cho phù hợp. Tiếp theo, bảng hỏi được gửi đến 60 sinh viên qua Google Forms, đảm bảo tính ẩn danh và thống nhất về hướng dẫn trả lời. Nhóm nghiên cứu sử dụng SPSS (phiên bản 28.0.0) để phân tích số liệu định lượng, áp dụng các thông kê mô tả như trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD) nhằm đánh giá xu hướng chính và mức độ phân tán của dữ liệu. Song song đó, các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với 6 sinh viên và 2 giảng viên được ghi âm, sau đó được mã hoá nội dung bằng phương pháp phân tích chủ đề. Qua đó, kết quả định tính được đối chiếu với dữ liệu định lượng để làm rõ mối tương quan và lí giải sâu hơn những vấn đề nổi bật mà bảng hỏi chưa thể bao quát đầy đủ.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khó khăn về từ vựng mà sinh viên chuyên ngữ khi biên dịch pháp lí Anh - Việt

Từ kết quả khảo sát qua Bảng 2, từ mượn được xem là khó khăn lớn nhất của sinh viên ($M = 4,58$). Việc vay mượn thuật ngữ pháp lí từ các ngôn ngữ khác mà không có tương đương trực tiếp trong tiếng Việt cũng là trở ngại đáng kể trong biên dịch pháp lí khi người học không sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ. Qua đó, kết quả này cũng phù hợp với nhận định của Hargitt khi ông cho rằng: “Nguồn gốc của thuật ngữ pháp lí chủ yếu là Latin, điều này khiến chúng trở nên khó tiếp cận hơn” [8]. Tiếp đến, thuật ngữ chuyên ngành cũng được phần lớn sinh viên tham gia khảo sát thừa nhận gặp khó khăn khi dịch các thuật ngữ chuyên môn từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Ngoài ra, thông qua quá trình phỏng vấn sâu, GV1 nhận định: “Do văn bản pháp luật thường có nhiều thuật ngữ chuyên ngành nên nếu sinh viên không quen thuộc với chúng thì việc dịch sẽ gặp nhiều trở ngại”. Trên thực tế, Glogar cũng đã cho rằng ngôn ngữ pháp luật gồm các khái niệm và thuật ngữ chuyên biệt, khác biệt so với các loại ngôn ngữ thông thường [7]. Theo đó, “những người chưa từng tiếp xúc với ngôn ngữ pháp luật thì sẽ gặp khó khăn khi biểu đạt thuật ngữ này sang ngôn ngữ đích”. Xếp ở vị trí thứ 3, từ cổ cũng được xem là một trong những trở ngại khi biên dịch với $M = 4,40$. Số liệu này cho thấy có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nhạc, khi đa số người tham gia khảo sát cũng đồng tình rằng từ cổ là một yếu tố gây khó khăn trong quá trình học từ vựng với mức điểm đánh giá 4,29/5 [16].

Tương tự với các nhận định 1, 3 và 6, nhận định 7 cũng nhận được nhiều ý kiến đồng tình từ sinh viên chuyên ngữ. Điều này cho thấy sinh viên không chỉ gặp khó khăn với các yếu tố ngôn ngữ mà còn với những đặc thù mang tính hệ thống, đòi hỏi sinh viên hiểu biết sâu rộng về pháp luật của cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Nhận định này hoàn toàn phù hợp với kết luận của Wang và Sin, khi hai tác giả nhấn mạnh rằng việc dịch các thuật ngữ pháp lí gắn liền với hệ thống luật pháp là một thách thức lớn đối với người dịch [24]. Theo đó, biên dịch pháp lí là một trong những lĩnh vực có yêu cầu khắt khe về mặt ngữ nghĩa ở mọi cấp độ, do đặc điểm riêng biệt của ngôn ngữ pháp luật cũng như tính chất phụ thuộc vào yếu tố văn hoá trong diễn ngôn pháp lí. Ngoài thuật ngữ chuyên ngành vừa nêu, thuật ngữ bán chuyên ngành cũng nhận được nhiều ý kiến đồng tình ($M = 3,88$). Xếp ở hạng 6, nhiều sinh viên cho rằng dịch cụm hai từ và cụm ba từ là một khó khăn đáng kể. Nguyên nhân có thể do sinh viên chưa quen với các cụm từ cố định mang tính đặc thù. Qua quan sát của Karjo, ông cũng đề cập đến dịch văn bản pháp luật không chỉ là chuyên nghĩa mà còn đòi hỏi lựa chọn cách diễn đạt phù hợp trong ngôn ngữ

đích [11]. Cuối cùng, sinh viên cũng đồng ý rằng từ đồng nghĩa khiến việc dịch thuật trở nên phức tạp. Để củng cố nhận định trên, Kordic đã chỉ ra các ví dụ về từ nguyên đơn như: *plaintiff* trong luật hình sự, *claimant* trong luật dân sự, hay *petitioner* trong pháp luật Liên minh châu Âu cho thấy rõ thiếu tương đương tuyệt đối giữa các thuật ngữ pháp lý được sử dụng trên trong các hệ thống pháp luật khác nhau [13].

Bảng 2. Khó khăn về từ vựng mà sinh viên chuyên ngữ gặp khi biên dịch pháp lý Anh - Việt

Nhận định	N	M	SD	Hạng
1. Thuật ngữ chuyên ngành	60	4,45	0,72	2
2. Thuật ngữ bán chuyên ngành	60	3,88	0,93	5
3. Từ mượn (từ mượn tiếng Pháp và tiếng Latin)	60	4,58	0,69	1
4. Từ đồng nghĩa	60	3,78	1,04	7
5. Cụm hai từ và cụm ba từ	60	3,82	0,81	6
6. Từ cổ	60	4,40	0,76	3
7. Thuật ngữ gắn liền với văn hoá - pháp luật	60	4,32	0,87	4

3.2. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn về từ vựng trong việc dịch thuật ngữ pháp lý Anh - Việt

Kết quả khảo sát (Bảng 3) đã chỉ ra rằng sinh viên chuyên ngữ gặp phải nhiều khó khăn khách quan liên quan đến từ vựng trong quá trình biên dịch pháp lý. Trong đó, nguyên nhân do sự khác biệt giữa hai hệ thống pháp luật Anh - Việt được đánh giá cao nhất (M = 4,17). Kết quả này phù hợp với quan điểm của Alcaraz Var và Hughes khi các tác giả đã trình bày đến các vấn đề thực tiễn như sự mơ hồ và sai lệch nảy sinh do thiếu sự tương thích giữa hai hay nhiều ngôn ngữ và hệ thống pháp luật [1]. Xếp thứ hai về mức độ ảnh hưởng là yếu tố hướng dẫn chưa đầy đủ từ phía giảng viên (M = 4,12). Chính vì thế, phần nào cho thấy sinh viên mong muốn nhận được sự hỗ trợ sát sao hơn trong quá trình tiếp cận với thuật ngữ. Tuy nhiên, nhận định này có phần mâu thuẫn với thực tế khi giảng viên thường dành hẳn một buổi học để giải đáp thắc mắc và lắng nghe ý kiến sinh viên, nhưng rất ít sinh viên tận dụng cơ hội này để trao đổi. Đồng thời, trong quá trình phỏng vấn, nhiều sinh viên và giảng viên đều cho rằng vấn đề này liên quan đến yếu tố tâm lý, khi một số sinh viên ngại hoặc thiếu thái độ tích cực trong các buổi học. Ngoài ra, thiếu hụt tài liệu và nguồn tham khảo phù hợp để học thuật ngữ pháp lý cũng là một vấn đề đáng quan tâm (M = 4,08). Phần lớn sinh viên gặp trở ngại vì không có đủ tài liệu chuyên ngành để nghiên cứu, qua đó hạn chế khả năng tiếp cận và làm chủ thuật ngữ pháp lý trong bối cảnh thực tiễn. Nghiên cứu của Nhạc cũng đã chỉ ra thực trạng tương tự, trong đó nhấn mạnh việc thiếu tài liệu học tập là một rào cản lớn trong quá trình phát triển năng lực dịch thuật chuyên ngành cho sinh viên [16]. Ngoài ra, yếu tố về sự khác biệt văn hoá giữa hai ngôn ngữ Anh - Việt (M = 3,56) cũng là vấn đề cần được quan tâm, nhấn mạnh mối quan hệ phức tạp và đan xen giữa văn hoá và hệ thống pháp luật. Những khác biệt này không tồn tại một cách riêng lẻ mà có mối liên hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau một cách liên tục. Tiếp đến, nhận định 1 liên quan đến khối lượng học tập cũng nhận được ý kiến đồng ý của nhiều sinh viên khi họ cảm thấy chưa được đào tạo hoặc thực hành đủ trong các học phần dịch thuật.

Bảng 3. Nguyên nhân khách quan dẫn đến khó khăn về từ vựng của sinh viên chuyên ngữ trong biên dịch pháp lý

Nhận định	N	M	SD	Hạng
1. Tín chỉ học tập môn biên dịch tại Khoa không đủ	60	3,47	1,15	5
2. Giảng viên không hướng dẫn chi tiết	60	4,12	0,84	2
3. Thiếu tài liệu và nguồn tham khảo để học các thuật ngữ pháp lý	60	4,08	0,80	3
4. Sự khác biệt giữa hệ thống pháp luật Anh - Việt	60	4,17	0,94	1
5. Sự khác biệt giữa văn hoá giữa Anh - Việt	60	3,56	0,96	4

Kết quả từ Bảng 4 phản ánh các nguyên nhân chủ quan dẫn đến khó khăn về từ vựng mà sinh viên chuyên ngữ thường gặp khi biên dịch pháp lý. Đặc biệt, yếu tố thiếu kiến thức về các lĩnh vực pháp luật chuyên biệt được đánh giá là nguyên nhân lớn nhất gây khó khăn cho sinh viên (M = 4,32). Điều này xuất phát từ thực tế chương trình đào tạo tiếng Anh pháp lý hiện nay tại Khoa chỉ giới thiệu sơ lược các chủ đề pháp luật nói chung khiến sinh viên thiếu cơ hội tiếp xúc sâu với lĩnh vực chuyên ngành. Qua đó,

Hu và Cheng nhấn mạnh rằng hiểu biết đầy đủ về nội dung chuyên ngành là điều kiện quan trọng để dịch thành công các văn bản pháp lí [10]. Đứng thứ hai là nguyên nhân thiếu hiểu biết về thuật ngữ pháp lí (M = 3,98). Kết quả này phù hợp với nhận định từ các nghiên cứu trước đây khi cho rằng quá trình tiếp nhận tri thức thường trải qua giai đoạn thiếu hiểu biết hoặc hiểu sai trước khi đạt được nhận thức chính xác [19]. Nguyên nhân thứ ba là thiếu thực hành trong lĩnh vực biên dịch pháp lí (M = 3,85), cho thấy sinh viên cần có thêm nhiều cơ hội hơn để áp dụng lí thuyết vào thực tiễn. Thực trạng này cho thấy phương pháp giảng dạy hiện tại vẫn thiên về lí thuyết, chưa chú trọng đúng mức đến hoạt động thực hành cần thiết để sinh viên phát triển kĩ năng biên dịch chuyên sâu. Tiếp theo là nguyên nhân hạn chế trong việc sử dụng công nghệ hiện đại (M = 3,78). Đây là dấu hiệu cho thấy sinh viên chưa làm quen đầy đủ với các công cụ hỗ trợ dịch thuật hiện đại, một phần do chương trình đào tạo chưa tích hợp hiệu quả các công nghệ này vào quá trình học tập. Ngoài ra, vấn đề sử dụng từ điển pháp lí còn hạn chế (M = 3,43) được xếp hạng thứ năm. Điều này phản ánh thực tế rằng sinh viên chưa thành thạo hoặc chưa có thói quen sử dụng các từ điển chuyên ngành phù hợp. Tiếp đến, yếu tố thiếu kiến thức về các chiến lược biên dịch phù hợp (M = 3,38) được đánh giá thấp hơn, xếp thứ sáu. Các chiến lược này có thể bao gồm: dịch tương đương (equivalence), dịch diễn giải (paraphrasing), vay mượn trực tiếp (borrowing), hoặc sử dụng ghi chú giải thích (annotation). Việc thiếu kiến thức về các chiến lược này dễ khiến sinh viên gặp khó khăn khi xử lí các thuật ngữ phức tạp hoặc những từ không có từ tương đương trực tiếp trong ngôn ngữ đích, làm cho bản dịch thiếu chính xác hoặc sai lệch so với nội dung và ý định ban đầu của văn bản. Thực tế, một thuật ngữ pháp lí đôi khi không thể dịch chính xác bằng cách dịch từng từ riêng lẻ, mà phải được đặt vào bối cảnh rộng hơn của hệ thống pháp luật và văn hoá bản ngữ. Ví dụ, trong quá trình giảng dạy, sinh viên gặp tình huống thuật ngữ *delegation of powers* và sinh viên đó dịch thành “sự ủy thác của quyền” thay vì thuật ngữ đúng là “ủy quyền”. Thay vì sử dụng chiến lược dịch tương đương, sinh viên đã áp dụng chiến lược dịch nghĩa đen (literal translation). Cuối cùng, nguyên nhân được đánh giá thấp nhất là tâm lí sợ mắc sai lầm (M = 3,13). Về tâm lí học giáo dục, việc sợ mắc sai lầm có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả học tập nói chung, và đặc biệt là trong biên dịch pháp lí - một lĩnh vực đòi hỏi sự chính xác và cẩn trọng cao độ. Sự e ngại này có thể dẫn đến việc sinh viên thiếu tự tin, ngần ngại thể hiện ý tưởng hoặc thử nghiệm các phương án dịch mới, từ đó hạn chế khả năng phát triển kĩ năng chuyên môn. Theo lí thuyết về động cơ và nhận thức, tâm lí sợ thất bại hoặc sợ sai lầm là những yếu tố tâm lí có khả năng làm giảm động lực học tập và khả năng thực hành [4].

Bảng 4. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến khó khăn về từ vựng của sinh viên chuyên ngữ trong biên dịch pháp lí

Nhận định	N	M	SD	Hạng
6. Thiếu thực hành trong lĩnh vực biên dịch pháp lí	60	3,85	0,97	3
7. Thiếu hiểu biết về thuật ngữ pháp lí	60	3,98	0,87	2
8. Thiếu kiến thức về các lĩnh vực pháp luật chuyên biệt	60	4,32	0,79	1
9. Thiếu kiến thức về các chiến lược biên dịch phù hợp cho từng thuật ngữ pháp lí	60	3,38	1,01	6
10. Việc sử dụng từ điển pháp luật còn hạn chế	60	3,43	1,15	5
11. Việc sử dụng công nghệ hiện đại như công cụ CAT (biên dịch có sự hỗ trợ của máy tính) còn hạn chế	60	3,78	1,16	4
12. Sợ mắc sai lầm	60	3,13	1,18	7

Để cung cấp thêm góc nhìn về nguyên nhân gây khó khăn trong việc dịch thuật của sinh viên, GV2 với tư cách là người dạy trực tiếp môn Biên dịch pháp lí đã cho rằng năng lực ngôn ngữ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng dịch chính xác các thuật ngữ pháp lí. Mặc dù các kĩ năng tiếng Anh cơ bản là cần thiết, nhưng việc phụ thuộc quá mức vào các công cụ dịch thuật như Google Dịch có thể làm hạn chế sự phát triển tư duy phản biện của sinh viên. Thêm vào đó, việc thiếu từ điển pháp luật song ngữ cũng như chưa xây dựng được tư duy nghiên cứu cũng gây cản trở cho quá trình dịch. Ngoài ra, việc học chưa đầy đủ các môn học nền tảng trước đó đã tạo ra những khoảng trống về kiến thức, làm ảnh hưởng đến chất lượng biên dịch pháp lí.

3.3. Một số đề xuất giải quyết những khó khăn về từ vựng trong biên dịch pháp lí Anh - Việt

Theo kết quả khảo sát (Bảng 5), giải pháp được đề xuất nhằm khắc phục những khó khăn trong biên dịch thuật ngữ pháp lí từ tiếng Anh sang tiếng Việt dưới góc nhìn của sinh viên chuyên ngành được đánh giá cao nhất chính là học thêm các tín chỉ về luật (M = 4,45). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức nền tảng trong quá trình dịch thuật. Khi người dịch hiểu sâu về luật pháp, họ không những nhận diện chính xác ngữ cảnh của thuật ngữ, mà còn hạn chế các sai sót thường gặp do nhầm lẫn khái niệm. Tiếp đến, phương pháp hợp tác với bạn bè hoặc giảng viên (M = 4,23) khẳng định vai trò tương tác trong hoạt động dịch thuật, phù hợp với quan điểm của lí thuyết học tập mang tính hợp tác khi cả giảng viên và sinh viên cùng nhau trao đổi, phản biện và chia sẻ kinh nghiệm. Sự phối hợp này không chỉ nâng cao chất lượng bản dịch mà còn phát triển khả năng tư duy phản biện, tạo điều kiện để người học nâng cao năng lực ngôn ngữ và pháp lí thông qua các hoạt động thảo luận, bài tập tình huống, hay nghiên cứu nhóm. Kế đó, phương pháp nghiên cứu về văn hoá (M = 4,08) cho thấy nhận thức sâu sắc của sinh viên về mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ pháp luật và văn hoá từng quốc gia. Trên thực tế, yếu tố văn hoá ảnh hưởng đáng kể đến việc hình thành và diễn giải thuật ngữ, do đó người dịch cần hiểu rõ phong tục cùng bối cảnh xã hội để tránh lối dịch máy móc, thiếu chính xác. Ở vị trí tiếp theo, giải pháp nghiên cứu các hệ thống pháp luật (M = 4,0) nhận được nhiều phản hồi tích cực, bởi việc nắm bắt cấu trúc và đặc điểm của cả hệ thống pháp luật giúp người dịch đưa ra quyết định đúng đắn hơn trong quá trình chuyên ngữ. Thêm vào đó, người học có thể vận dụng luật so sánh như một công cụ định hướng trong quá trình biên dịch, bằng cách nhận diện chính xác mức độ trùng lặp hay nhầm lẫn ý nghĩa khái niệm giữa các hệ thống để lựa chọn chiến lược dịch, bổ sung chú thích khi cần nhằm tránh mất thông tin quan trọng, đồng thời áp dụng cách tiếp cận so sánh đa chiều (chức năng, văn hoá, diễn ngôn) để bảo đảm bản dịch phù hợp với mục đích và đối tượng người đọc [5]. Mặt khác, tham khảo các văn bản song ngữ hoặc tài liệu pháp lí đã dịch (M = 3,97) được đánh giá ở mức trung bình khá, cho thấy các ý kiến không đồng nhất về hiệu quả của nguồn tài liệu mẫu. Trong khi một số người học dựa vào chúng như kim chỉ nam, số khác lại bày tỏ nghi ngại về độ tin cậy hoặc thiếu kinh nghiệm khai thác tài liệu. Cuối cùng, tham gia các lớp học hoặc khoá đào tạo về biên dịch pháp lí (M = 3,85) có điểm trung bình thấp nhất, song vẫn được xem là hướng đi cần thiết nhằm nâng cao năng lực biên dịch, đặc biệt nếu các chương trình này được thiết kế khoa học, kết hợp lí thuyết với thực hành, và tích hợp phương pháp giảng dạy tiên tiến như lớp học đảo ngược hoặc tiếp cận theo vùng phát triển gần để giúp sinh viên chủ động lĩnh hội kiến thức. Như vậy, chuỗi giải pháp được đề xuất trên không hoạt động độc lập mà hỗ trợ lẫn nhau, đòi hỏi cả người dạy và người học phải tiếp cận một cách liên ngành, kết hợp yếu tố pháp lí, ngôn ngữ, văn hoá, cùng phương pháp sư phạm hiện đại nhằm tối ưu hoá kết quả dịch thuật.

Bảng 5. Một số đề xuất giải quyết những khó khăn về từ vựng trong biên dịch pháp lí Anh - Việt

Nhận định	N	M	SD	Hạng
1. Tham gia các lớp học hoặc khoá đào tạo về biên dịch pháp lí.	60	3,85	0,97	6
2. Học thêm tín chỉ về luật chuyên ngành	60	4,45	0,64	1
3. Hợp tác với bạn bè hoặc giảng viên để thảo luận về các thuật ngữ	60	4,23	0,67	2
4. Tham khảo các văn bản song ngữ hoặc các tài liệu pháp lí đã được dịch trước đó để hỗ trợ cho quá trình biên dịch.	60	3,97	1,05	5
5. Nghiên cứu về các hệ thống pháp luật để hiểu rõ hơn về thuật ngữ pháp lí.	60	4,0	1,02	4
6. Nghiên cứu về văn hoá để hiểu rõ hơn về thuật ngữ pháp lí.	60	4,08	0,92	3

4. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu cho thấy nhiều loại thuật ngữ, đặc biệt là các thuật ngữ chuyên ngành, thuật ngữ bán chuyên ngành, từ mượn, từ đồng nghĩa, cụm hai từ và cụm ba từ, từ cô và thuật ngữ gắn liền văn hoá - pháp luật, đều gây khó khăn đáng kể trong biên dịch pháp lí. Bên cạnh đó, nguyên nhân của những trở ngại từ vựng này được chia thành hai nhóm: nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Về mặt khách quan, các yếu tố như sự khác biệt giữa hai hệ thống pháp luật, hạn chế trong hướng dẫn giảng dạy, thiếu tài liệu chuyên ngành và khác biệt văn hoá đã tạo nên những trở ngại đáng kể,

khuyến sinh viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận và xử lý các thuật ngữ pháp lí. Về mặt chủ quan, việc thiếu kiến thức chuyên sâu về từng lĩnh vực pháp luật, chưa thạo chiến lược biên dịch, ít thực hành hoặc ngại mắc sai lầm có thể làm giảm hiệu quả học tập và chất lượng bản dịch. Để ứng phó, nhiều giải pháp đã được đề xuất, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao kiến thức luật chuyên ngành, hợp tác cùng bạn bè và giảng viên, thường xuyên tra cứu tài liệu song ngữ, cũng như nghiên cứu đa chiều về văn hoá và hệ thống pháp luật. Đồng thời, việc tham gia các khoá đào tạo biên dịch pháp lí, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại cũng được khuyến nghị nhằm giúp người học chủ động và linh hoạt hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alcaraz E. and Hughes B. *Legal translation explained*. Routledge. 2014.
2. Alwazna R.Y. *Translation and legal terminology: Techniques for coping with the untranslatability of legal terms between arabic and English*. Int J Semiot Law, 32(1), 75-94. 2019.
3. Cao D. *Translating law*. Multilingual Matters. 2007.
4. Elliot A.J. and Thrash T.M. *The Intergenerational transmission of fear of failure*. Pers Soc Psychol Bull, 30(8), 957-971. 2004.
5. Engberg J. *Comparative law for legal translation: through multiple perspectives to multidimensional knowledge*. Int J Semiot Law, 33(2), 263-282. 2020.
6. Garner B.A. *A dictionary of modern legal usage*. Oxford University Press. USA. 2001.
7. Glogar O. *The Concept of legal language: What Makes Legal Language "Legal"?*. Int J Semiot Law, 36(3), 1081-1107. 2023.
8. Hargitt S. *What could be gained in translation: legal language and lawyer-linguists in a globalized world*, Ind J Global Legal Stud, 20, 425. 2013.
9. Houbert F. *Guide pratique de la traduction juridique: anglais-français*. La maison du dictionnaire. 2005.
10. Hu P.-C. and Cheng L. *A study of legal translation from the perspective of error analysis*. International Journal of Legal Discourse, 1(1), 235-252. 2016.
11. Karjo C.H. *Problems in translating legal English text into Indonesian*. Arab World English Journal, Vol. 6. 2016.
12. Khizhnyak S.P. *The paradigm of language legal pictures of the world*. Journal of Language and Literature/ SP Khizhnyak, 5(4), 155-158. 2014.
13. Kordić L. *Specific Issues and challenges in translating EU law texts*. Athens journal of humanities & arts. 7(3), 235-254. 2020.
14. Mattila H.E. *Comparative legal linguistics: Language of law, Latin and modern lingua francas*. Routledge. 2016.
15. Mellinkoff D. *The language of the law*. Wipf and Stock Publishers. 2004.
16. Nhạc T.H. *Students' difficulties in learning legal English vocabulary - A case at Hanoi Law University*. Tạp chí Khoa học ngôn ngữ và văn hoá, 6(1), 51-59. 2022
17. Rylance P. *Legal writing and drafting*. Blackstone Press. 1994.
18. Sarcevic S. *New approach to legal translation*. Kluwer Law International BV. 1997.
19. Saywitz K., Jaenicke C., Camparo L. *Children's knowledge of legal terminology*. Law and Human Behavior, 14(6), 523-535. 1990.
20. Scott J.R. *Legal translation outsourced*. Oxford University Press. 2018.
21. Sierocka H. *Cultural dimensions of legal discourse*. Studies in Logic, Grammar and Rhetoric, 38(1). 2014.
22. Stanojević M. *Legal English: Changing perspective*. Facta universitatis-series: Linguistics and Literature. 9(1), 65-75. 2011.
23. Varó E.A. *Isomorphism and anisomorphism in the translation of legal texts*. Translation Issues in Language and Law, Palgrave Macmillan UK. London. 182-192. 2009.
24. Wang L. và Sin K.K. *Legal Translation and cultural transfer: A Framework for translating the common law into Chinese in Hong Kong*. Int J Semiot Law, 26(4), 883-896. 2013.
25. Weisflog W.E. *Problems of legal translation. Swiss Reports presented at the xiith International Congress of Comparative Law*, 179-218. Zürich: Schulthess. 1987.
26. Williams C. *Legal English and plain language: An introduction*. ESP across Cultures, 1(1), 111-124. 2004.